

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## MỤC LỤC



---

	Trang
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01 - 02
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	03
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	04 - 05
4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	06 - 22

---

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 12 tháng 10 năm 2017

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>12/10/2017 (VND)</b>	<b>01/01/2017 (VND)</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>166.343.260.039</b>	<b>94.450.774.475</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>7.570.436.220</b>	<b>27.114.877.940</b>
1. Tiền	111		7.570.436.220	25.158.877.940
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.956.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>27.030.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	27.030.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>69.091.101.562</b>	<b>15.452.254.101</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	18.383.895.666	13.516.923.673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	15.251.749.618	1.635.604.910
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	35.898.565.442	742.834.682
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(443.109.164)	(443.109.164)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>62.134.448.408</b>	<b>50.347.723.762</b>
1. Hàng tồn kho	141		62.134.448.408	50.347.723.762
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>517.273.849</b>	<b>1.535.918.672</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	47.600.834	77.783.702
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		60.275.343	961.945.947
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	409.397.672	496.189.023
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>83.765.362.673</b>	<b>52.745.739.785</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.972.001.662</b>	<b>15.267.913.582</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	14.972.001.662	15.267.913.582
<i>Nguyên giá</i>	222		16.910.841.985	16.607.422.387
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.938.840.323)	(1.339.508.805)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.979.458.073</b>	<b>6.645.406.416</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	7.979.458.073	6.645.406.416
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.13</b>	<b>59.397.565.108</b>	<b>29.997.565.108</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		59.400.000.000	30.000.000.000
2. Đầu tư khác vào công ty khác	253		-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.434.892)	(2.434.892)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.416.337.830</b>	<b>834.854.679</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.416.337.830	834.854.679
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>250.108.622.712</b>	<b>147.196.514.260</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Ngày 12 tháng 10 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	12/10/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.946.043.405</b>	<b>48.554.521.389</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.946.043.405</b>	<b>48.554.521.389</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	7.152.708.634	10.882.645.386
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	27.404.837.517	5.767.542.038
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	2.679.032.734	2.563.579.141
4. Phải trả người lao động	314		-	541.841.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	-	596.967.302
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		709.464.520	4.451.025.764
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	-	4.062.920.758
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	19.688.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>212.162.579.307</b>	<b>98.641.992.871</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>212.162.579.307</b>	<b>98.641.992.871</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	87.685.200.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	87.685.200.000
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.162.579.307	10.956.792.871
2a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		244.842.871	6.414.961.868
2b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.917.736.436	4.541.831.003
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>250.108.622.712</b>	<b>147.196.514.260</b>

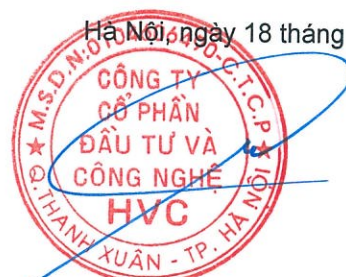
Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017



Trương Thị Kim Cúc  
Người lập biểu



Vũ Thị Nga  
Kế toán trưởng



Trần Hữu Đông  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 12/10/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 12/10/2017 (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	132.672.663.594
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	132.672.663.594
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	102.130.537.069
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.542.126.525
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	62.958.200
7. Chi phí tài chính	22	6.4	496.357.283
Trong đó: chi phí lãi vay	23		415.914.000
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	2.322.039.406
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	12.535.023.349
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.251.664.687
11. Thu nhập khác	31	6.7	160.359.932
12. Chi phí khác	32	6.8	805.057.452
13. Lợi nhuận khác	40		(644.697.520)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.606.967.167
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	2.689.230.731
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.917.736.436</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>1.004</u>

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017



Trương Thị Kim Cúc  
Người lập biểu



Vũ Thị Nga  
Kế toán trưởng



Trần Hữu Đông  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 12/10/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 12/10/2017 (VND)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>14.606.967.167</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.8, 5.9	1.307.434.218
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		496.751.845
- Chi phí lãi vay	06	6.4	415.914.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>16.827.067.230</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(52.650.385.506)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.786.724.646)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.339.595.880
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(551.300.283)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(415.914.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.949.304.595)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(42.186.965.920)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.502.325.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.660.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.030.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(29.400.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(59.272.325.800)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 12/10/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 12/10/2017 (VND)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		101.602.850.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		400.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.088.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>81.914.850.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(19.544.441.720)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.1</b>	<b>27.114.877.940</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>7.570.436.220</b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017



Trương Thị Kim Cúc  
Người lập biểu



Vũ Thị Ngà  
Kế toán trưởng



Trần Hữu Đông  
Tổng Giám đốc



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 16 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 200.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là : 200.000.000.000 đồng.

Mã số thuế: 0104606490

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị gia dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: dịch vụ trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động của các khu giải trí, bãi biển bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

### **1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **1.5. Cấu trúc doanh nghiệp:**

#### ***Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC***

- Trụ sở chính: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC: tầng 8, tháp C Hồ Gươm Plaza, số 102 Trần Phú, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC: tầng 1, TTTM Forprodex Cầu Tiên, số 1111 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

#### ***Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng***

- Địa chỉ: Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

#### ***Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh***

- Địa chỉ: Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

#### ***Công ty con – Công ty TNHH HVC Hưng Yên***

- Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 23/12/2016 là 60.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 99% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.



#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

##### **4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 12/10/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Thành viên phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **4.3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

##### **4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

##### **4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

##### **4.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013,



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-DN

Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08

### 4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị kỹ thuật công trình. Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh, cụ thể:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### **Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

### 4.9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty/Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn)

#### **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

- Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.
- Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát Cơ sở đồng kiểm soát



được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **4.10. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

#### **4.11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hóa theo quy định.

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

#### **4.12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **4.13. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn điều lệ mà các thành viên đã đầu tư.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **4.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****MẪU SỐ B09a-DN**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**4.15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

***Doanh thu xây dựng***

Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>12/10/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Tiền mặt	4.653.754.515	477.298.616
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.916.681.705	24.681.579.324
Các khoản tương đương tiền	-	1.956.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.570.436.220</b>	<b>27.114.877.940</b>

(\*) *Chi tiết*

	<b>12/10/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long	289.044.730	308.638.782
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	2.311.916.095	22.691.319.389
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Hoàng Cầu	315.720.880	1.678.549.800
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở	-	1.197.091
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Linh Đàm	-	1.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - CN Kinh Đô	-	874.262
<b>Cộng</b>	<b>2.916.681.705</b>	<b>24.681.579.324</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****MẪU SỐ B09a-DN****5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	12/10/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	27.030.000.000	27.030.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.030.000.000</b>	<b>27.030.000.000</b>	-	-

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 04 tháng. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số hợp đồng	Ngày ký	Lãi suất	Giá trị
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	HVC/171002/TGKH/TCB	02/10/2017	5,1%/năm	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	HVC/171009/TGKH/TCB	09/10/2017	5,2%/năm	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long	111017/STB-HVC	11/10/2017	5,5%/năm	7.030.000.000
				<b>27.030.000.000</b>

**5.3. Phải thu khách hàng**

	12/10/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc (Gồm Vinpearl PQ)	8.734.526.034	-	225.411.464	-
KST Mường Thanh-CN Công ty CP tập đoàn Mường Thanh	2.269.968.067	-	-	-
Công ty CP Đầu Tư Phú Cường Kiên Giang	1.684.886.211	-	-	-
Công ty cổ phần Vinpearl Chi nhánh Nha Trang - Công ty CP Vinpearl (Gồm VP Nha trang + VP Bãi Dài+Vinpearlland)	829.414.245	-	-	-
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Sài Đồng	448.630.157	-	-	-
Công ty CP may Hồ Gươm (phần thi công bể bơi)	414.458.256	-	358.908.256	-
Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Vinpearl (Gồm Future Property Invest)	341.774.400	-	1.179.026.398	-
Công ty CP Dịch Vụ và Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	297.246.944	-	297.246.944	-
Công ty cổ phần DHC Sông Hàn	193.587.918	-	1.051.013.062	-
Công ty CP PT đô thị Nam Hà Nội	164.548.060	-	1.361.869.226	-
Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	282.800.000	282.800.000	282.800.000
Công ty CP đầu tư và XD Sông Đà	154.253.091	107.977.164	154.253.091	107.977.164

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-DN

Phải thu khách hàng	12/10/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP tư vấn đầu tư Thảo Nguyên Xanh	75.637.210	-	75.637.210	-
Công ty CP xây dựng và thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	52.332.000	74.760.000	52.332.000
Nhà thiếu nhi tỉnh Hải Dương	13.975.400	-	13.975.400	-
Công ty TNHH MTV Vinpearl Phú Quốc	-	-	2.204.758.871	-
Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	-	-	1.120.118.812	-
Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	-	-	2.527.807.814	-
Các đối tượng khác	1.355.781.915	-	2.589.337.125	-
<b>Cộng</b>	<b>18.383.895.666</b>	<b>443.109.164</b>	<b>13.516.923.673</b>	<b>443.109.164</b>

**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	12/10/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Trả trước người bán ngắn hạn - Trong nước</b>	<b>13.981.291.091</b>	<b>-</b>	<b>1.015.410.246</b>	<b>-</b>
Công ty cổ phần bể bơi thông minh SPOOL	7.208.790.000	-	-	-
Công ty CP Cấp điện và Hệ thống LS - VINA	1.880.077.760	-	-	-
Công ty CP Tập đoàn Đức Tường - CN TP HCM	1.520.158.730	-	-	-
Công ty CP Thi công cơ giới và Xây dựng Tiến Huy	911.292.650	-	-	-
Công ty TNHH TM & DV Đông Kha	339.122.270	-	-	-
Công ty TNHH 3H INC Việt Nam	302.865.658	-	-	-
Công ty TNHH Quốc tế MICA	200.000.000	-	200.000.000	-
Các đối tượng khác	1.618.984.023	-	815.410.246	-
<b>b. Trả trước người bán ngắn hạn - Nước ngoài</b>	<b>1.159.717.638</b>	<b>-</b>	<b>620.194.664</b>	<b>-</b>
EMEC SRL	336.937.349	-	-	-
SPECK PUMPEN VERKAUFSGESELLSCHAFT GMBH	237.124.493	-	-	-
HORNERXPRESS WORDWIDE, INC	509.049.670	-	-	-
Các đối tượng khác	76.606.127	-	620.194.664	-
<b>Cộng</b>	<b>15.141.008.729</b>	<b>-</b>	<b>1.635.604.910</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-DN

**5.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	12/10/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ký cược, ký quỹ ngắn hạn</b>	<b>870.901.646</b>	-	<b>72.074.630</b>	-
Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.254.690	-	28.854.690	-
Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam	48.408.700	-	31.567.649	-
Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	819.238.256	-	11.652.291	-
<b>b. Tạm ứng của nhân viên</b>	<b>5.019.109.849</b>	-	<b>120.000.000</b>	-
<b>c. Thuế GTGT chưa kê khai do hóa đơn chưa về</b>	<b>7.357.062</b>	-	<b>550.760.052</b>	-
<b>d. BHXH phải thu</b>	<b>1.196.885</b>	-	-	-
<b>e. Công ty CP Bể bơi Thông minh Spool (*)</b>	<b>30.000.000.000</b>	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35.898.565.442</b>	-	<b>742.834.682</b>	-

(\*) Công ty góp vốn vào Công ty CP Bể Bơi Thông Minh Spool theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/2017/HVC-SPOOL ngày 23/09/2017 để cùng thực hiện hợp đồng số 09/2017/HĐKT/SƠN LONG - SPOOL ngày 21/09/2017 về cung cấp, lắp đặt hệ thống M&E, bể bơi cho dự án Khu khách sạn dịch vụ du lịch của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sơn Long.

**5.6. Nợ xấu**

	12/10/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
Công ty CP đầu tư và XD Sông Đà	154.253.091	46.275.927	154.253.091	46.275.927
Công ty CP xây dựng và thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	22.428.000	74.760.000	22.428.000
<b>Cộng</b>	<b>898.672.645</b>	<b>68.703.927</b>	<b>511.813.091</b>	<b>68.703.927</b>

**Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:**

	Từ 01/01/2017 đến 12/10/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)
Ngày 01/01/2017	443.109.164	312.466.546
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	130.642.618
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
<b>Ngày 12/10/2017</b>	<b>605.442.957</b>	<b>443.109.164</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****MÃ SỐ B09a-DN****5.7. Hàng tồn kho**

	12/10/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.265.569.070	-	35.245.171.990	-
Hàng hóa	16.868.879.338	-	15.102.551.772	-
<b>Cộng</b>	<b>62.134.448.408</b>	<b>-</b>	<b>50.347.723.762</b>	<b>-</b>

**5.8. Chi phí trả trước**

	12/10/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
	<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>47.600.834</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	47.600.834	77.783.702
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.416.337.830</b>	<b>834.854.679</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.416.337.830	834.854.679
<b>Cộng</b>	<b>1.463.938.664</b>	<b>912.638.381</b>

**5.9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2017	8.018.189.005	312.675.200	8.276.558.182	16.607.422.387
Tăng do mua sắm	81.818.182	-	609.654.545	691.472.727
Tăng do XDCB hoàn thành	2.476.801.416	-	-	2.476.801.416
Thanh lý, nhượng bán (*)	-	-	(2.864.854.545)	(2.864.854.545)
<b>Tại ngày 12/10/2017</b>	<b>10.576.808.603</b>	<b>312.675.200</b>	<b>6.021.358.182</b>	<b>16.910.841.985</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn	208.367.965	134.002.584	997.138.256	1.339.508.805
Tại ngày 01/01/2017	351.684.867	68.901.280	885.234.753	1.305.820.900
Khấu hao trong năm	-	-	(708.102.700)	(708.102.700)
Thanh lý, nhượng bán	560.052.832	202.903.864	1.174.270.308	1.937.227.004
<b>Tại ngày 12/10/2017</b>				
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	7.809.821.040	178.672.616	7.279.419.926	15.267.913.582
Tại ngày 12/10/2017	10.016.755.771	109.771.336	4.847.087.874	14.973.614.981

**5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	12/10/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Văn phòng 805 Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC tại Hồ Gươm Plaza	3.294.725.167	3.173.841.363
Bể bơi Cty tại Thủy Nguyên - Hải Phòng	-	2.313.301.416
Văn phòng 802 Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC tại Hồ Gươm Plaza	1.158.263.637	1.158.263.637
Mua sàn văn phòng tầng 8 căn C802 - May hồ gươm	3.526.469.269	-
<b>Cộng</b>	<b>7.979.458.073</b>	<b>6.645.406.416</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****MÃ SỐ B09a-DN****5.11. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư tài chính dài hạn**

	12/10/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	59.400.000.000	2.434.892	59.397.565.108	30.000.000.000	2.434.892	29.997.565.108
- Công ty TNHH HVC Hưng Yên (*)	59.400.000.000	2.434.892	59.397.565.108	30.000.000.000	2.434.892	29.997.565.108
<b>Cộng</b>	<b>59.400.000.000</b>	<b>2.434.892</b>	<b>59.397.565.108</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.434.892</b>	<b>29.997.565.108</b>

(\*) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 23/12/2016 là 60.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 99% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng.

**5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	12/10/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán trong nước</b>	<b>2.952.418.643</b>	<b>2.952.417.901</b>	<b>9.799.990.163</b>	<b>9.799.990.164</b>
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Hùng Phú	867.381.992	867.381.992	-	-
Công ty TNHH TM DV XD Lê Nguyên Thảo	682.270.390	682.270.390	692.785.635	692.785.635
Công ty CP Xây dựng và cơ điện HTD Việt Nam	450.856.250	450.856.250	-	-
Công ty CP TM VT và XD Trọng Tín	317.770.000	317.770.000	290.015.000	290.015.000
Công ty TNHH Kinh doanh vật tư thiết bị Đồng Đa	173.978.213	173.978.213	1.031.932.353	1.031.932.353
Công ty TNHH cơ điện Thành Danh	162.350.798	162.350.798	281.850.000	281.850.000
Công ty CP Tập đoàn Đức Tường	-	-	1.273.651.908	1.273.651.908
Công ty CP Tư vấn và Giải pháp tiếp vận ANSLOG	-	-	1.157.059.581	1.157.059.581
Các nhà cung cấp khác	297.811.000	297.810.258	5.072.695.686	5.072.695.687
<b>b. Phải trả người bán nước ngoài</b>	<b>4.200.289.991</b>	<b>4.200.289.991</b>	<b>1.082.655.223</b>	<b>1.082.655.223</b>
CLOCK GROUP	1.702.317.876	1.702.317.876	1.062.657.455	1.062.657.455
GUANGZHOU DAI ANG WATER AMUSEMENT PARK EQUIPMENT CO LTD	2.484.843.012	2.484.843.012	3.495.176	3.495.176
Các nhà cung cấp khác	13.129.103	13.129.103	16.502.592	16.502.592
<b>Cộng</b>	<b>7.152.708.634</b>	<b>7.152.707.892</b>	<b>10.882.645.386</b>	<b>10.882.645.387</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****MẪU SỐ B09a-DN****5.13. Người mua trả tiền trước**

	12/10/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tập đoàn VINGROUP - Cty CP	15.174.180.073	-	-	-
Công ty CP ĐT xây dựng Tân Liên Phát	3.653.648.950	-	-	-
Công ty CP Đầu tư dịch vụ Thương mại TP HCM	1.869.538.201	-	-	-
Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam	1.570.457.166	-	-	-
Công ty CP đầu tư DHC	805.088.127	-	643.137.699	-
Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc	497.164.867	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Olympia	475.576.500	-	-	-
Công ty TNHH Linh Chi	427.746.068	-	427.746.068	-
Công ty TNHH Thiết kế đầu tư xây dựng Phú Gia	425.234.640	-	425.234.640	-
Chi nhánh Quảng Nam - Công ty Cổ phần Vinpearl (Gồm Vinpearl Hội An)	413.567.804	-	-	-
Công ty CP DV TM tổng hợp Vincommerce	403.364.756	-	-	-
Công ty TNHH DVTMTH Tân Bình	-	-	1.031.069.000	-
KST Mường Thanh-CN Công ty CP tập đoàn Mường Thanh	-	-	2.482.213.343	-
KST Mường Thanh-CN Công ty CP tập đoàn Mường Thanh	-	-	758.141.288	-
Các khách hàng khác	1.689.270.365	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.404.837.517</b>	<b>-</b>	<b>5.767.542.038</b>	<b>-</b>

**5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****Tình hình biến động các khoản thuế phải nộp Nhà nước**

	01/01/2017 (VND)		Số phát sinh trong kỳ		12/10/2017 (VND)	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	492.421.941	17.474.803.908	17.164.830.262	-	182.448.295
Thuế nhập khẩu	-	3.767.082	1.413.042.810	1.500.983.123	-	91.707.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.939.106.597	-	2.689.230.731	1.949.304.594	2.689.802.003	-
Thuế thu nhập cá nhân	551.838.688	-	276.554.681	963.635.351	-	135.241.982
Phí, lệ phí	72.633.856	-	14.540.000	87.173.856	-	-
Thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.563.579.141</b>	<b>496.189.023</b>	<b>21.875.172.130</b>	<b>21.672.927.186</b>	<b>2.689.802.003</b>	<b>409.397.672</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****MẪU SỐ B09a-DN**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 12/10/2017 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.606.967.167
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(1.160.813.512)
- Điều chỉnh tăng	9.216.855
+ Chi phí phạt chậm nộp BHXH	1.399.008
+ Chi phí không hợp lệ	7.817.847
- Điều chỉnh giảm	1.170.030.367
+ Thu nhập đã tính thuế năm 2016	1.170.030.367
Thu nhập tính thuế	<b>13.446.153.655</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.689.230.731</b>

**5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	12/10/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Chi phí lãi vay phải trả	-	314.512.000
Chi phí thường vượt doanh số hàng năm	-	146.743.302
Chi phí khác	-	135.712.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>596.967.302</b>

**5.16. Doanh thu chưa thực hiện**

	12/10/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Doanh thu cung cấp, lắp đặt thiết bị	709.464.520	4.451.025.764
<b>Cộng</b>	<b>709.464.520</b>	<b>4.451.025.764</b>

**5.17. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Số dư đầu năm trước	12.000.000.000	4.541.831.003	16.541.831.003
Lợi nhuận trong năm trước	-	6.414.961.868	6.414.961.868
Góp vốn trong năm trước	75.685.200.000	-	75.685.200.000
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>87.685.200.000</b>	<b>10.956.792.871</b>	<b>98.641.992.871</b>
Số dư đầu năm nay	87.685.200.000	10.956.792.871	98.641.992.871
Lợi nhuận trong kỳ này	-	11.837.736.436	11.837.736.436
Góp vốn trong kỳ này	101.602.850.000	-	101.602.850.000
Phân phối lợi nhuận kỳ này	10.711.950.000	(10.711.950.000)	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>12.082.579.307</b>	<b>212.082.579.307</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**MẪU SỐ B09a-DN****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

STT	Tên cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số lượng cổ phiếu	Số vốn góp
1	Trần Hữu Đông	20,48%	4.096.494	40.964.940.000
2	Đỗ Huy Cường	11,89%	2.377.341	23.773.410.000
3	Lê Văn Cường	10,06%	2.012.554	20.125.540.000
4	Trần Văn Duy	6,32%	1.264.610	12.646.100.000
5	Trương Thanh Tùng	5,13%	1.025.613	10.256.130.000
6	Nguyễn Sỹ Thành	3,02%	604.586	6.045.860.000
7	Vũ Thị Ngà	3,69%	738.227	7.382.270.000
8	Nguyễn Phương Trang	3,21%	641.270	6.412.700.000
9	Cổ đông khác	36,20%	7.239.305	72.393.050.000
<b>Cộng</b>		<b>100,00%</b>	<b>20.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	12/10/2017 (Cổ phiếu)	01/01/2017 (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	8.768.520
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	8.768.520
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	8.768.520
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	8.768.520

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	132.672.663.594
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>132.672.663.594</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	102.130.537.069
<b>Cộng</b>	<b>102.130.537.069</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này
Lãi tiền gửi ngân hàng	31.840.569
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.117.631
<b>Cộng</b>	<b>62.958.200</b>

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Kỳ này
Chi phí lãi vay	415.914.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	80.443.283
<b>Cộng</b>	<b>496.357.283</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này
Chi phí bảo hành	334.454.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.132.659.517
Chi phí bằng tiền khác	854.925.783
<b>Cộng</b>	<b>2.322.039.406</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****MẪU SỐ B09a-DN****6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.900.867.521
Chi phí vật liệu quản lý	56.825.336
Chi phí đồ dùng văn phòng	224.829.753
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.102.093.699
Thuế, phí và lệ phí	212.729.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.371.225.421
Chi phí bằng tiền khác	666.452.116
<b>Cộng</b>	<b><u>12.535.023.349</u></b>

**6.7. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>
Hoàn thuế nhập khẩu	69.494.453
Xử lý công nợ	88.084.945
Thu nhập khác	2.780.534
<b>Cộng</b>	<b><u>160.359.932</u></b>

**6.8. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>
Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	496.751.844
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	243.289.832
Phạt vi phạm hợp đồng	55.798.921
Phạt chậm nộp bảo hiểm	1.399.008
Chi phí khác	7.817.847
<b>Cộng</b>	<b><u>805.057.452</u></b>

**6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.341.238.896
Chi phí nhân công	33.629.603.488
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	344.667.481
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.026.744.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.707.841.985
Chi phí bằng tiền khác	1.837.437.408
<b>Cộng</b>	<b><u>124.887.533.968</u></b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017



Trương Thị Kim Cúc  
Người lập biểu



Vũ Thị Ngà  
Kế toán trưởng



Trần Hữu Đông  
Tổng Giám đốc